



yì zhì
意志

Noun · will

Example Sentences

tā yǒu jiān qiáng de yì zhì
他有坚强的意志。

He has a strong will.

nǐ de yì zhì zú gòu jiān dìng néng dǐ kàng zhù zhè xiē yòu huò ma
你的意志足够坚定，能抵抗住这些诱惑吗？

Is your will strong enough to resist these temptations?

tā píng jiè wán qiáng de yì zhì wán chéng le bǐ sài
她凭借顽强的意志完成了比赛。

She finished the race with tenacious willpower.

Trace each character, then write the word on your own.

意	意	意	意	意	意	意	意	意	意	意
意	意	意	意	意						
志	志	志	志	志	志	志	志	志	志	